

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Đỗ Văn S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: ông Phạm Duy M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 14, khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Đỗ Văn V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu phố x, phường x, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1938.

Địa chỉ: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

2. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp LA, xã BT, huyện GC Tây, Tiền Giang.

3. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

4. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1961.

Địa chỉ: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

5. Ông Đỗ Văn Đệ N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Lô x, ấp KL, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Đỗ Văn Đẹt L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp TX, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: xxx/xx đường TP, phường x, Quận TB, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

9. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp KL, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

10. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1959 hộ chiếu GL 789059 do Lon Don cấp, hiện đang tạm trú: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

11. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1977, hộ chiếu 311344557 do MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS cấp, hiện tạm trú: khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

Ông Đặng Văn T và bà Đỗ Thị N ủy quyền cho ông Phạm Duy M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: xx, khu phố x, phường x, thị xã GC, Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tổng giá trị tài sản nhà và đất thừa số 409, tờ bản đồ số 3, diện tích 162m², loại đất thổ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 21001.QSD Đ/LH ngày 25/5/1997 của ông Đỗ Văn T1 và bà Lê Thị L. Ông Đỗ Văn T1 chết năm 2018, không để lại di chúc, các đồng thừa kế thống nhất chia thừa kế theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế là ½ căn nhà và quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn T1 để chia thừa kế.

Tổng giá trị nhà qua định giá gồm nhà chính, hàng rào, nhà vệ sinh tổng cộng bằng **221.202.702** đồng. (*Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm lẻ hai ngàn bảy trăm linh hai đồng*)

Qua đo đạc thực tế: diện tích đất 183,7m², loại ONT.

Các đương sự thống nhất lấy giá 18.000.000 đồng/m² đất thổ, để làm căn cứ chia thừa kế.

2.3 Về người thừa kế của cụ Đỗ Văn T1 gồm: bà Lê Thị L, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị X, ông Đỗ Văn Đẹt L, ông Đỗ Văn Đẹt N, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị L, ông Đặng Văn Tr, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn S, Ông Đỗ Văn V.

2.4 Về việc phân chia di sản thừa kế các đương sự thống nhất

Bà Lê Thị L là mẹ của ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị X, ông Đỗ Văn Đẹt L, ông Đỗ Văn Đẹt N, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị L, ông Đặng Văn T, bà Đỗ Thị N, ông Đỗ Văn S, Ông Đỗ Văn V có ½ tài sản là nhà và đất hiện nay bà Lê Thị L đang sử dụng căn thờ để thờ cúng. Phần còn lại ½ căn nhà thờ và đất của ông Đỗ Văn T chia thừa kế cho 13 kỹ phân thừa kế như sau: bà Lê Thị L, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị X, ông Đỗ Văn Đẹt L, ông Đỗ Văn Đẹt N, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị L, ông Đặng Văn T, bà Đỗ Thị N không có yêu

cầu chia thừa kế, chỉ có ông Đỗ Văn S yêu cầu chia 1 kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là một phần căn nhà và đất của ông Đỗ Văn T1, các kỷ phần còn lại bà Lê Thị L, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị X, ông Đỗ Văn Đẹt L, ông Đỗ Văn Đẹt N, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị L, ông Đặng Văn T, bà Đỗ Thị N thống nhất tạm giao cho ông Đỗ Văn S quản lý và sử dụng dùng để thờ cúng ông bà. Riêng ông Đỗ Văn V đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền, và không còn quyền thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Đỗ Văn T1 nữa.

*** Các đương sự thống nhất phân chia di sản cụ thể như sau:**

- Chia thừa kế cho ông Đỗ Văn S được hưởng 01 kỷ phần bằng hiện vật là nhà và đất của ông Đỗ Văn T, tương đương giá trị bằng 135.684.719 đồng (làm tròn 135.700.000 đồng), các kỷ phần bằng hiện vật của bà Lê Thị L, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn S, bà Đỗ Thị X, ông Đỗ Văn Đẹt L, ông Đỗ Văn Đẹt N, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị P, bà Đỗ Thị L, ông Đặng Văn T, bà Đỗ Thị N và ½ tài sản là căn nhà thờ và quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L, các đương sự thống nhất tạm giao cho ông Đỗ Văn S quản lý và sử dụng để thờ cúng.

- Chia thừa kế cho ông Đỗ Văn V được nhận 01 kỷ phần thừa kế nhà và đất của ông Đỗ Văn T bằng tiền. ông Đỗ Văn V đồng ý nhận kỷ phần bằng số tiền 135.700.000 đồng(*Một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng*). ông Đỗ Văn S đã tự nguyện giao cho ông Đỗ Văn V nhận xong.

- Xác định căn nhà thờ và đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 21001.QSD Đ/LH ngày 25/5/1997 cấp cho ông Đỗ Văn T1 là của chung các đương sự (*trong đó bà Liễu có ½ tài sản nhà và đất, cộng 01 kỷ phần thừa kế; các đương sự còn lại có 01 kỷ phần*) trừ ông Đỗ Văn V không còn quyền tài sản vì đã được chia thừa kế bằng tiền xong.

(*Có sơ đồ đo đạc do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã GC thực hiện người đo vẽ Phan Thanh Minh H kèm theo*)

2.5 Về án phí chia thừa kế, chi phí tố tụng.

+ Ông Đỗ Văn S nộp 3.392.500 đồng(*Ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 13.452.000 đồng theo biên lai thu số 0027262 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC. Hoàn lại cho ông Đỗ Văn S số tiền chênh lệch là 10.059.500 đồng.

(*Mười triệu không trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng*)

+ Ông Đỗ Văn V nộp số tiền 3.392.500 đồng (*Ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí. Nhưng được bà Đỗ Thị L tự nguyện nộp thay số tiền án phí là 3.392.500 đồng(*Ba triệu ba trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng*) cho ông Đỗ Văn V.

+ Chi phí tố tụng ông Đỗ Văn S tự nguyện thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

THẨM PHÁN

Nơi Nhận:

- Đương sự; TAT
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

Trần Thị An Thư